

**CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG BOXFURNITURE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG BOXFURNITURE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BOXFURNITURE FURNITURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BOXFURNITURE FAC.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108215924

**3. Ngày thành lập:** 04/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, ngách 22, ngõ 230 Lạc Trung, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979.388.883

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 151 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 152 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Khảo sát xây dựng (Điều 153 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Thi công xây dựng công trình (Điều 157 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13) | 7110(Chính) |
| 2.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 4.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7912        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lập thiết kế quy hoạch xây dựng (Điều 150 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng (Điều 151 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn quản lý dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng (Điều 152 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Khảo sát xây dựng (Điều 153 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng (Điều 155 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng (Điều 156 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13)<br>- Thi công xây dựng công trình (Điều 157 Luật Xây Dựng Số: 50/2014/QH13) | 4329 |
| 6.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220 |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312 |
| 8.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8121 |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632 |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321 |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322 |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> </ul> </li> <li>- Các công việc dưới bề mặt ;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời ;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà ;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629 |
| 15. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 16. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 17. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3100 |
| 18. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | <p>Xây dựng nhà các loại</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Hoạt động xây dựng hoàn chỉnh các khu nhà để ở hoặc không phải để ở, tự tiến hành hoặc trên cơ sở các hợp đồng hoặc phí. Ở đây có thể thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ. Các đơn vị thực hiện chỉ một số công đoạn của quy trình xây dựng được xếp vào ngành 41 (Xây dựng nhà các loại).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng tất cả các loại nhà ở như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà cho một hộ gia đình,</li> <li>+ Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.</li> </ul> </li> <li>- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà dành cho sản xuất công nghiệp, ví dụ các nhà máy, công trường, phân xưởng lắp ráp...</li> <li>+ Bệnh viện, trường học các khu văn phòng,</li> <li>+ Khách sạn, cửa hàng, các dãy nhà hàng, cửa hàng ăn,</li> <li>+ Nhà của sân bay,</li> <li>+ Các khu thể thao trong nhà,</li> <li>+ Gara bao gồm cả gara ngầm,</li> <li>+ Kho hàng,</li> <li>+ Các toà nhà dành cho tôn giáo.</li> </ul> </li> <li>- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;</li> <li>- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.</li> </ul> | 4100 |
| 20. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5610 |
| 21. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4662 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN THỊNH | Thôn Yên Ngưu, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 012347573                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                                               |                   |        |             |        |           |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGÔ THẾ DUY    | 503 nhà C, 129 Thanh Nhàn, đường Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 | 012461363 |  |
|   |                |                                                                                                               | Tổng số           | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 |           |  |
|   |                |                                                                                                               |                   |        |             |        |           |  |
| 3 | TRẦN HỮU PHƯỚC | Thôn 1, Xã Chính Tâm, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                                 | Cổ phần phổ thông | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 164265501 |  |
|   |                |                                                                                                               | Tổng số           | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |           |  |
|   |                |                                                                                                               |                   |        |             |        |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ THẾ DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012461363

Ngày cấp: 26/08/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 503 nhà C, 129 Thanh Nhàn, đường Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 503 nhà C, 129 Thanh Nhàn, đường Thanh Nhàn, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội